

Số: 203 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia
về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Ủy ban) trên cơ sở sáp nhập Ban Chỉ đạo Nhà nước về điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường biển và Ban điều phối thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 để chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành tập trung, thống nhất về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Điều 2. Về chức năng

Ủy ban là tổ chức phối hợp liên ngành có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo thống nhất, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển



Việt Nam. Chủ tịch sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Chủ tịch sử dụng con dấu của bộ nơi công tác. Trường hợp khi được Chủ tịch ủy quyền để thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban, các Phó Chủ tịch được sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng cơ quan thường trực sử dụng con dấu của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

Điều 3. Về nhiệm vụ, quyền hạn

1. Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

a) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển.

b) Giúp Thủ tướng Chính phủ có văn bản chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án phát triển bền vững kinh tế biển.

c) Kiến nghị, đề xuất phương án giải quyết các vấn đề, vướng mắc giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển.

d) Huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế để hỗ trợ việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.

3. Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Điều 4. Thành phần Ủy ban

1. Chủ tịch: Thủ tướng Chính phủ.

2. Phó Chủ tịch thường trực: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các Phó Chủ tịch gồm Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

4. Các Ủy viên

a) Đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ;

- b) Đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- c) Đại diện lãnh đạo Bộ Công Thương;
- d) Đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- đ) Đại diện lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- e) Đại diện lãnh đạo Bộ Ngoại giao;
- g) Đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- h) Đại diện lãnh đạo Bộ Công an;
- i) Đại diện lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải;
- k) Đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng;
- l) Đại diện lãnh đạo Bộ Y tế;
- m) Đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp;
- n) Đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ;
- o) Đại diện lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương;
- p) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- q) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- r) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Dân tộc;
- s) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- t) Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- u) Chủ tịch Ủy ban nhân dân 28 tỉnh, thành phố thuộc trung ương có biển.
- v) Một số chuyên gia, nhà khoa học.

Điều 5. Thường trực Ủy ban và Cơ quan giúp việc

1. Cơ quan thường trực của Ủy ban

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Ủy ban, chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ủy ban, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban theo quy định tại Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan thường trực của Ủy ban có Văn phòng giúp việc đặt tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

Văn phòng cơ quan thường trực là cơ quan giúp việc cho Ủy ban, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

a) Văn phòng cơ quan thường trực gồm: Chánh Văn phòng là Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, 01 Phó Chánh Văn phòng và các thành viên giúp việc, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng do Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quy định.

Điều 6. Kinh phí hoạt động của Ủy ban do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, bãi bỏ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1541/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2016 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Nhà nước về điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường biển; số 975/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2016 về việc thành lập Ban điều phối thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các thành viên quy định tại Điều 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).



Nguyễn Xuân Phúc